

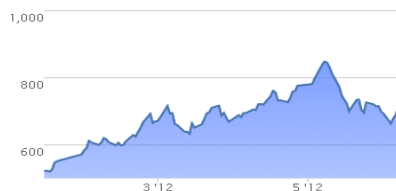
DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

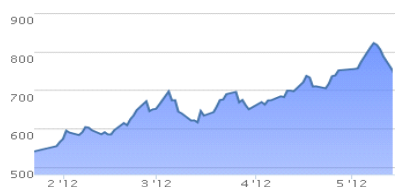
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

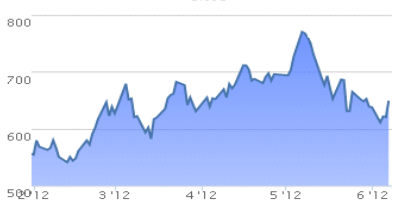
PVN ALL-SHARE CONTINUOUS (VND)
Close



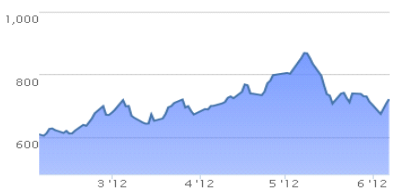
PVN ALL-SHARE (VND)
Close



PVN ALL-SHARE HNX (VND)
Close



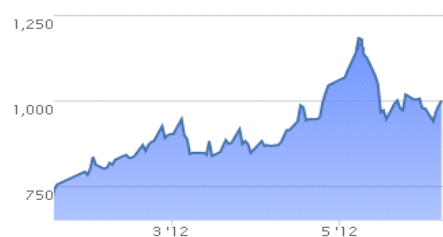
PVN ALL-SHARE HSX (VND)
Close



Chỉ Số

	Mở Cửa	Giá Cuối Cùng	Thay Đổi	% Thay Đổi
PVN 10	851.1	851.1	↑ 31	3.74
PVN All-Share Continuous	707.8	707.8	↑ 20	2.86
PVN All-Share	687.5	687.5	↑ 18	2.76
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1,000.00	1,000.00	↑ 14	1.47
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	915.49	915.49	↑ 14	1.56
PVN Tài Chính	672.01	672.01	↑ 16	2.43
PVN All-Share HNX	649.37	649.37	↑ 29	4.68
PVN All-Share HSX	721.21	721.21	↑ 14	2.01
PVN Công Nghiệp	573.44	573.44	↑ 32	5.87
PVN Dầu Khí	635.51	635.51	↑ 22	3.64
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	701.37	701.37	↑ 2.5	0.36

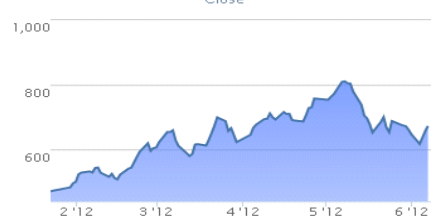
PVN BASIC MATERIALS (VND)
Close



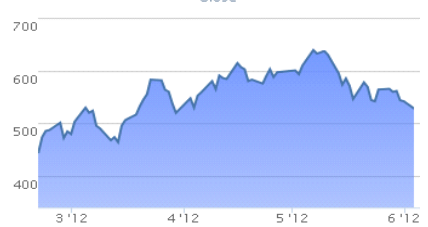
PVN CONSUMER SERVICES (VND)
Close



PVN FINANCIALS (VND)
Close



PVN INDUSTRIALS (VND)
Close



Chỉ số PVN 10

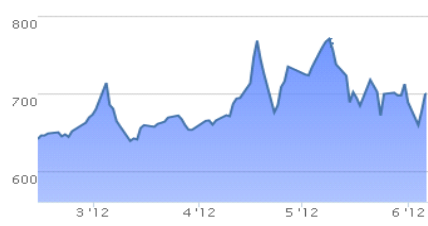
PVN 10 (VND)
Close



PVN OIL & GAS (VND)
Close



PVN UTILITIES (VND)
Close



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBMT	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	434.41 ↑	8.02	1.88%
KLGD (triệu ck)	70.13 ↓	-21.39	-23.37%
GTGD (tỷ đồng)	1,021.13 ↓	-727.46	-41.60%
Tổng cung (triệu ck)	71.15 ↓	-5.69	-7.41%
Tổng cầu (triệu ck)	82.55 ↓	-18.13	-18.01%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.61 ↑	0.18	12.74%
KL bán (triệu ck)	6.89 ↑	3.68	114.51%
Giá trị mua (tỷ đồng)	45.86 ↑	12.59	37.85%
Giá trị bán (tỷ đồng)	163.97 ↑	83.12	102.81%

Nhận định thị trường:

Standard & Poor's (S&P) nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam từ “tiêu cực” lên “ổn định”. Tổ chức này cũng giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ngắn và dài hạn của Việt Nam lần lượt ở mức “B” và “BB”. Đồng thời, Hãng tín nhiệm S&P cũng đã nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của hai ngân hàng Vietinbank và BIDV từ ổn định lên tích cực.

Thống đốc Nguyễn Văn Bình cho biết, Ngân hàng Nhà nước đã trình Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận tiếp tục hạ trần lãi suất huy động VND. Theo đó, từ ngày 11/6 này, trần lãi suất huy động VND sẽ giảm một bước 2%/năm, từ 11%/năm hiện nay xuống còn 9%/năm. Chi tiết việc áp dụng các kỳ hạn không được nêu rõ, nhưng có thể dự tính mức trần 9%/năm nói trên sẽ áp cho các kỳ hạn từ 1 tháng trở lên; còn các kỳ hạn dưới 1 tháng có thể sẽ chỉ còn 1%/năm, nếu tính theo bước giảm lần này.

Từ 14h ngày 7/6, giá bán lẻ xăng A92 được điều chỉnh xuống mức 21.900 đồng/lít, giảm 800 đồng. Các mặt hàng dầu cũng được điều chỉnh giảm tương ứng 600 - 650 đồng/lít. Việc giảm giá xăng dầu cũng được xem là hệ quả tất yếu sau khi giá dầu thô cũng như xăng dầu thành phẩm trên thị trường thế giới giảm mạnh trong vòng 30 ngày qua.

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

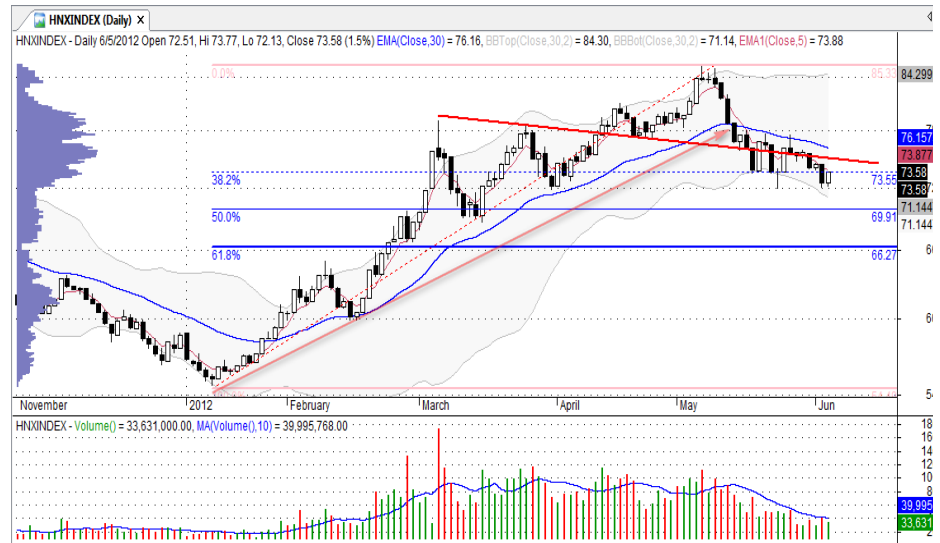
ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Thị trường tăng mạnh nhờ một số cổ phiếu bất động sản như ITC, LCG, ASM ... nhưng các cổ phiếu ngành chứng khoán không tăng, khối lượng bán của các nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Sự phục hồi chưa có tính bền vững. Để xác nhận xu thế tăng, thị trường cần vượt qua 2 ngưỡng kháng cự tại 78.81 và 80.19 điểm. Nhà đầu tư nên tránh việc mua đuổi các cổ phiếu và có thể bán bớt danh mục khi thị trường tăng điểm.

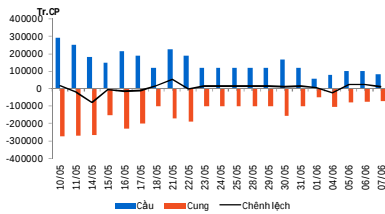
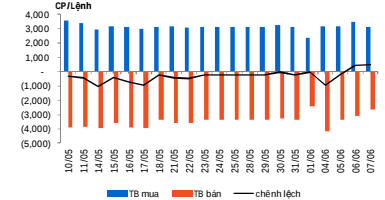
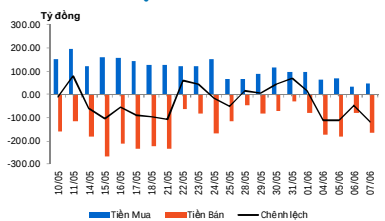
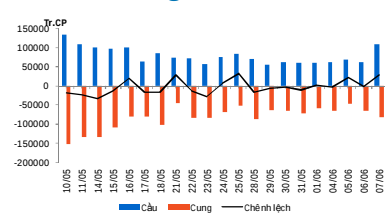
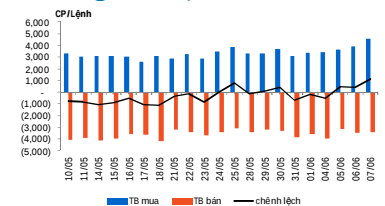
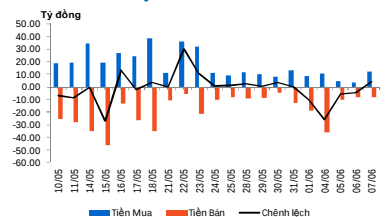
HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	75.87	2.09	2.83%
KLGD (triệu ck)	74.02	37.97	105.31%
GTGD (tỷ đồng)	739.50	390.07	111.63%
Tổng cung (triệu ck)	82.31	17.58	27.15%
Tổng cầu (triệu ck)	110.42	47.26	74.82%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.00	0.77	332.42%
KL bán (triệu ck)	0.66	0.07	11.08%
Giá trị mua (tỷ đồng)	12.44	8.71	233.70%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.08	-0.02	-0.20%

Nhận định thị trường:*Đồ thị HNX-Index.*

Những thông tin tích cực từ việc S&P nâng triển vọng tín nhiệm Việt Nam từ “tiêu cực” lên “ổn định”, giảm giá xăng dầu, và lãi suất.. cũng với sàn HSX, HNX cũng đã có một phiên tăng điểm mạnh. Thanh khoản cũng cải thiện đáng kể với hơn 74 triệu cổ phiếu mà không cần sự hỗ trợ của các giao dịch thỏa thuận. Một vài mã hàng đầu của sàn này tăng trần như HBB, PVX, KLS, trong khi các mã trụ cột khác tăng trên dưới 5% mỗi mã. Tuy nhiên, thị trường bật lên chủ yếu mang tính điều chỉnh trong một xu thế tăng dài, và chịu ảnh hưởng mạnh bởi sóng tăng trước đó.

Lượng giao dịch tăng khá, thị trường đang bước vào một đợt tăng nhỏ. Nhà đầu tư không nên mua đuổi cổ phiếu. Các ngưỡng kháng cự mạnh là 77, 78.61 và 80 điểm.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau 15 phút mở cửa, VN-Index dễ dàng vượt qua ngưỡng 430 điểm, khi tăng 4.75 điểm, tức 1.11% đạt 431.4 điểm. thị trường nhận được lực đỡ từ nhóm cổ phiếu chủ chốt và nhóm cổ phiếu đầu cơ. VCB và VIC có lúc tăng kịch trần, cùng với nhiều mã đầu cơ như ASM, KSA, KSS, PTC, BGM...

Thị trường tiếp tục bứt phá mạnh sau 10h00, chốt phiên sáng, với 138 mã tăng giá, và 76 mã kịch trần, trong đó có BVH, GAS, VN-Index tăng vọt 8.56 điểm, tức 2.01% đạt 434.95 điểm.

Sau vài phút tăng vọt lên hơn 10 điểm đầu giờ chiều, lực bán tăng mạnh đã khiến VN-Index thu hẹp lại đà tăng. Nhóm cổ phiếu lớn ngoài BVH, GAS tăng trần đến hết phiên, thì các mã khác như MSN, VNM, FPT.. đảo chiều giảm nhẹ hoặc đứng giá, một vài bluechips khác cũng thu hẹp. VN-Index kết thúc phiên với mức tăng 8.02 điểm, tương ứng 1.88% đạt 434.41 điểm.

Thanh khoản tăng vọt lên mức 71.3 triệu đơn vị, tương đương 1,138 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Sàn HNX cũng bật tăng mạnh mẽ hơn 1% nhờ nhóm cổ phiếu chủ chốt đều tăng khá. HNX-Index vượt qua mốc 75 điểm từ 10h01, với hơn 140 mã tăng giá, nhưng số lượng tăng trần chỉ trên 30 mã.

Chốt phiên sáng, HNX-Index cũng bật tăng rất mạnh với 1.72 điểm, tương đương 2.33% đạt 75.5 điểm. Giao dịch tại sàn này có sự cải thiện đáng kể với 42.5 triệu đơn vị, tương đương 425.55 tỷ đồng, riêng PVX chiếm đến 8.6 triệu đơn vị, tiếp theo là VND, KLS, HBB, và SCR...

Sang phiên chiều, trước áp lực bán, từ mức 76 điểm, HNX-Index thụt lùi dần, nhưng về cuối phiên vẫn duy trì được mức tăng trên 2 điểm, tương đương 2.83% lên 75.87 điểm. Một vài mã hàng đầu của sàn này tăng trần như HBB, PVX, KLS, trong khi các mã trụ cột khác tăng trên dưới 5% mỗi mã.

Giao dịch tại sàn này thực sự bứt phá so với phiên trước, với thanh khoản gần như tăng gấp đôi với 74 triệu đơn vị, tương đương 740 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 27 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 23 cổ phiếu tăng giá, 3 cổ phiếu đứng giá và không có cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVX (tăng 6,19%), GAS (tăng 4,75%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 3,42% và tổng khối lượng giao dịch đạt 22,49 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 7/6:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,400.0	2,300	↑ 5.88	0.47	14.59	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	4,200.0	30,900	↑ 5.00	0.41	38.18	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,900.0	415,300	↑ 5.36	0.34	0.58	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24,200.0	1,081,100	↑ 5.22	1.99	1.61	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,100.0	134,600	↑ 4.80	1.22	8.29	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,600.0	345,700	↑ 5.66	0.55	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,800.0	141,342	↑ 5.66	1.00	2.51	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	12,300.0	86,200	↑ 5.13	2.15	5.62	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,600.0	689,400	↑ 2.44	0.81	9.06	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,800.0	10,491	↑ 1.62	0.81	9.49	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,800.0	16,700	↑ 4.62	0.65	3.19	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,300.0	920,840	↑ 4.49	1.38	4.36	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,300.0	12,014,108	↑ 6.19	0.45	3.87	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,500.0	380,210	↑ 4.75	3.03	12.02	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,500.0	905,890	↑ 1.47	2.06	5.57	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	28,000.0	32,070	↑ 0.36	1.28	3.41	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	100,790	→ 0.00	0.73	6.20	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	13,000.0	428,730	↑ 1.56	0.74	3.20	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000.0	1,110	→ 0.00	1.71	4.94	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6,000.0	982,980	↑ 3.45	0.59	4.65	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,500.0	269,620	↑ 2.68	1.17	6.78	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,100.0	1,548,800	↑ 2.34	1.15	16.58	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	6,000.0	1,306,300	↑ 3.45	0.61	54.55	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,500.0	159,730	↑ 4.17	0.72	5.00	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7,000.0	75,000	↑ 1.45	0.63	3.65	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,700.0	300,260	↑ 3.54	0.88	3.51	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	7,000.0	116,260	↑ 4.48	0.64	4.61	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	21,500	22,300	3.72	55,228,127
ITA	7,400	7,700	4.05	41,309,958
STB	25,200	25,000	-0.79	117,736,529
DPM	34,000	34,500	1.47	31,300,558
BVH	49,400	51,500	4.25	30,401,014

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	9,700	10,300	6.19	122,778
VND	11,700	12,300	5.13	62,809
KLS	10,400	11,100	6.73	58,145
SCR	14,700	14,800	0.68	45,437
HBB	5,100	5,400	5.88	32,571

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VKP	900	1,000	100	11.11
VSG	1,700	1,800	100	5.88
MTG	4,000	4,200	200	5.00
VNH	4,000	4,200	200	5.00
TNT	4,000	4,200	200	5.00

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MAC	4,300	4,600	300	6.98
APS	4,300	4,600	300	6.98
BVG	4,300	4,600	300	6.98
HNH	7,200	7,700	500	6.94
DC4	7,200	7,700	500	6.94

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NSC	42,000	39,900	-2,100	-5.00
LHG	16,000	15,200	-800	-5.00
NBB	38,200	36,300	-1,900	-4.97
TDW	16,400	15,600	-800	-4.88
CYC	2,200	2,100	-100	-4.55

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MCF	13,000	12,100	-900	-6.92
SGC	19,000	17,700	-1,300	-6.84
BHV	13,400	12,500	-900	-6.72
MIM	7,500	7,000	-500	-6.67
S55	27,000	25,200	-1,800	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	9,114	BVH	19,836
DPM	6,238	MSN	14,034
BVH	5,460	STB	13,940
MSN	5,267	REE	12,711
KDC	3,653	SSI	12,243

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	7,211	PVX	1,082
DBC	1,424	AAA	1,028
ACB	489	PGS	954
BVS	423	VNR	871
STC	306	SDT	615

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339